

Bản tin Phân tích kỹ thuật

22/10/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111GB000 tuy duy trì tín hiệu tăng nhưng hợp đồng chưa vượt được vùng giá cao 1.897 điểm. Dự báo nhịp tăng có thể mở rộng về khu vực 1.910 điểm nếu xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.897 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua khi thỏa điều kiện trên và dừng lỗ tại ngưỡng 1.893 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.897 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.910 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.893 điểm

Quan điểm kỹ thuật

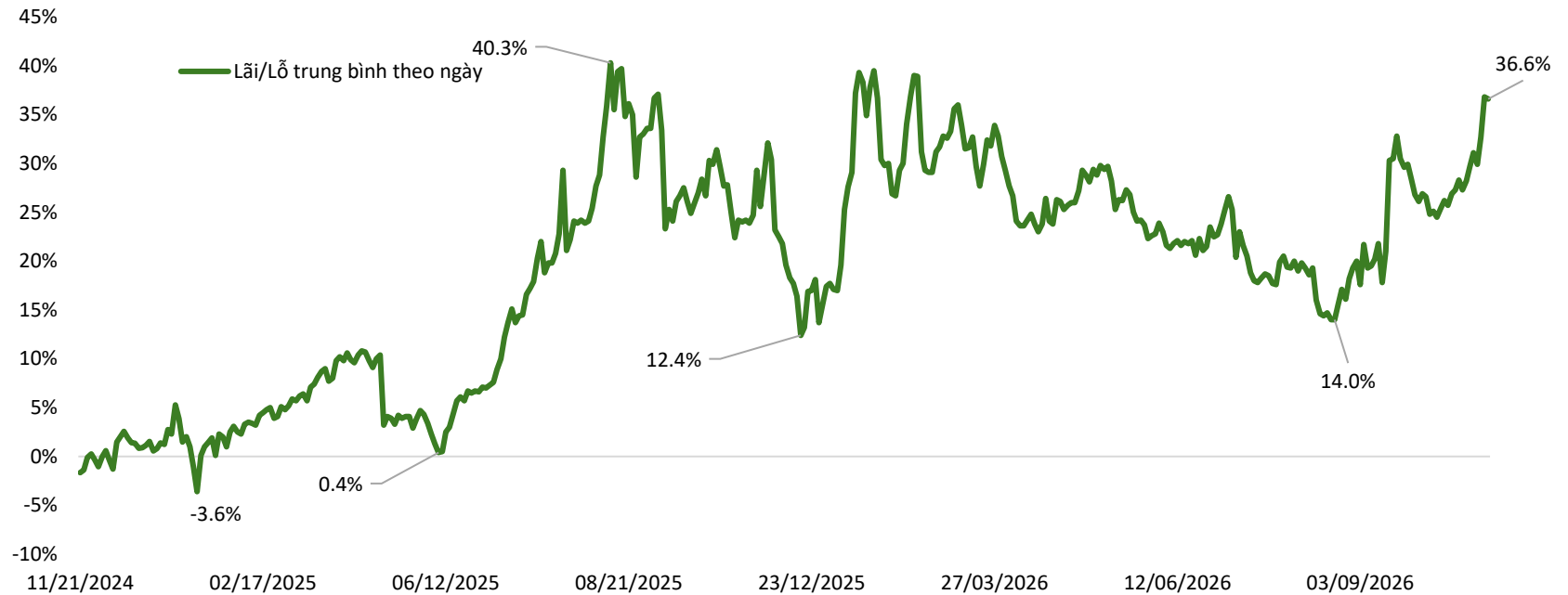


- VN-Index nối tiếp quán tính tăng, với điểm số được dẫn dắt chủ yếu bởi VIC và VHM trong khi lực cầu trên phần còn lại của thị trường mang tính chọn lọc hơn. Hoạt động mua giá cao xuất hiện tại một số cổ phiếu thuộc nhóm Ngân hàng, Bất động sản, Tiêu dùng, Công nghiệp và Vật liệu. Đáng chú ý, lực cầu vùng thấp gia tăng rõ tại Dầu khí và Dịch vụ Tiện ích. Ở chiều ngược lại, chưa ghi nhận áp lực bán bất thường tại các nhóm ngành.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index vượt vùng kháng cự quanh 1.740 điểm, cho thấy đà tăng tiếp tục chiếm ưu thế. Với tín hiệu hiện tại, chỉ số có khả năng hướng đến vùng 1.770 điểm trong phiên 23/10, trong khi 1.740 điểm đóng vai trò hỗ trợ gần.
- Đánh giá tổng quan, dù độ lan tỏa của lực cầu trong phiên 22/10 thu hẹp so với phiên 21/10, áp lực bán trên phần lớn nhóm ngành vẫn ở mức thấp. Do đó, kịch bản VN-Index tiếp tục tăng lên vùng 1.770 điểm vẫn chiếm ưu thế. Nếu xuất hiện nhịp điều chỉnh, khu vực 1.740 điểm nhiều khả năng sẽ đóng vai trò điểm tựa ngắn hạn.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
MSB	08/10/2026		Đang mở	15,400	14,500	6.2%	14,500	15,900	15,000	
HPG	08/10/2026		Đang mở	21,250	20,200	5.2%	19,600	21,500	20,300	
NLG	13/10/2026		Đang mở	23,150	21,700	6.7%	20,500	23,700	21,700	
CTD	13/10/2026		Đang mở	65,500	62,000	5.6%	62,500	68,000	63,500	
SHB	15/10/2026		Đang mở	10,800	10,200	5.9%	9,800	11,300	10,200	
CSV	16/10/2026		Đang mở	23,850	22,850	4.4%	22,000	25,000	23,800	
LAS	15/10/2026		Đang mở	12,400	11,600	6.9%	11,000	13,500	11,600	
ANV	15/10/2026		Đang mở	18,900	18,450	2.4%	17,500	21,400		
DXG	16/10/2026		Đang mở	10,600	10,000	6.0%	9,500	11,000	10,000	
CEO	16/10/2026		Đang mở	11,500	10,800	6.5%	10,000	12,500	10,800	
HCM	16/10/2026		Đang mở	24,100	23,750	1.5%	22,500	25,500		
VND	22/10/2026		Đang mở	13,750	13,700	0.4%	13,000	15,400		
KBC	22/10/2026		Đang mở	27,100	26,800	1.1%	26,000	29,000		
VIC	22/10/2026		Đang mở	232,900	225,000	3.5%	215,000	234,000		245,000

Bảng theo dõi những vị thế đang mở



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	232,900	4.16%	6.83%	1,807,813	15.680	2,751	10.6	84.7	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	64,000	3.56%	8.66%	525,749	3.903	9,730	2.0	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	29,200	3.91%	3.55%	146,213	1.194	3,974	2.0	7.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCX	29,850	2.93%	7.96%	99,381	0.607	1,869	2.1	16.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	78,100	1.43%	2.49%	188,451	0.561	5,269	2.7	14.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	33,800	-0.88%	1.81%	262,904	-0.482	4,250	1.4	8.0	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	39,000	-1.76%	4.84%	116,504	-0.428	4,048	2.5	9.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	64,100	1.58%	2.07%	120,842	0.399	1,634	1.9	39.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	34,150	-0.73%	3.80%	241,995	-0.367	4,042	1.3	8.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	57,500	4.55%	8.49%	37,337	0.354	3,992	2.7	14.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	22,350	1.13%	-1.97%	145,428	0.343	2,983	1.7	7.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
GEE	73,000	2.82%	11.45%	46,756	0.275	5,569	5.8	13.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	19,900	-0.50%	0.00%	200,368	-0.209	3,224	1.3	6.2	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PLX	35,850	1.99%	0.84%	46,386	0.193	2,523	1.8	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVD	18,900	5.00%	6.78%	17,534	0.183	1,199	1.0	15.8	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	74,600	-1.58%	0.13%	67,124	-0.510	16,970	3.1	4.4	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	116,500	-2.43%	3.10%	34,950	-0.408	11,734	5.3	9.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	32,500	2.20%	2.85%	19,945	0.211	3,432	1.3	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	12,500	-3.10%	2.46%	13,354	-0.199	525	1.2	23.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	35,800	2.58%	6.23%	14,945	0.185	5,201	2.2	6.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVI	61,800	1.31%	-0.32%	15,924	0.100	5,142	1.8	12.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	15,600	-1.27%	2.63%	15,615	-0.095	1,562	1.4	10.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DHT	50,000	-3.10%	0.00%	4,982	-0.074	403	4.5	124.0	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
THD	98,600	-0.40%	-3.52%	37,961	-0.074	395	7.5	249.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SEB	42,900	10.00%	12.89%	1,373	0.066	4,532	2.7	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

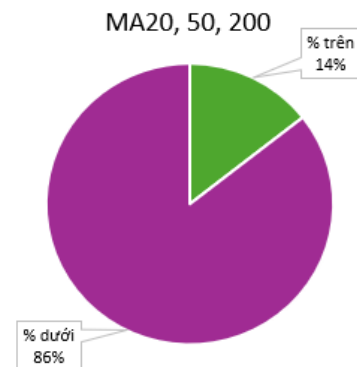
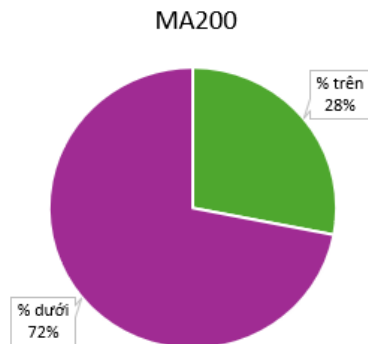
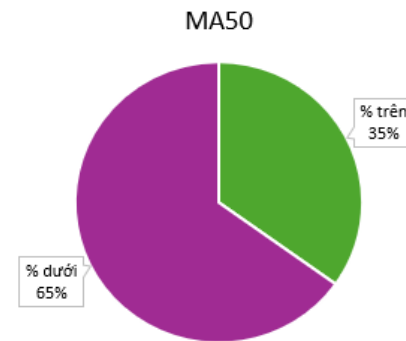
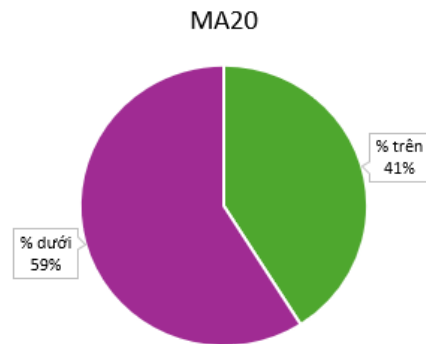
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACV	43,000	3.12%	4.88%	153,388	0.363	3,104	2.1	13.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PAP	29,800	12.45%	12.45%	10,639	0.101	-1,817	3.1	-16.4	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CC1	36,800	5.14%	13.23%	18,391	0.072	544	4.1	67.8	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	78,200	0.39%	2.49%	238,869	0.070	4,047	6.3	19.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNZ	530,100	-4.74%	-6.84%	16,757	-0.060	15,804	18.2	34.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VFC	66,500	27.88%	-34.55%	2,248	0.048	97	3.4	687.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MVN	61,700	0.82%	0.98%	73,669	0.046	2,341	4.8	26.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
FOX	57,600	1.23%	3.23%	42,946	0.040	4,936	3.4	11.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SIG	21,900	-4.37%	10.05%	9,867	-0.033	4,100	1.3	5.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
VUA	15,000	12.78%	-9.09%	3,000	0.029	767	1.5	19.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GMD	57,500	4.5%	196.6	78.6	37,189	55,000	2.7	14.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
QTP	11,300	4.6%	8.6	1.7	10,700	14,300	0.8	4.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PAN	18,300	-3.2%	70.0	12.5	18,000	26,127	0.9	3.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HDC	11,650	4.5%	60.8	14.0	9,980	32,612	0.9	4.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SIP	50,000	1.1%	9.7	3.6	45,827	60,127	2.5	8.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVD	18,900	5.0%	177.6	93.4	11,325	26,964	1.0	15.8	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			22/10/2026	21/10/2026	20/10/2026	19/10/2026	16/10/2026	15/10/2026	14/10/2026	13/10/2026
VNINDEX	MA200	Trên	25%	24%	24%	22%	22%	22%	22%	22%
		Dưới	75%	76%	76%	78%	78%	78%	78%	78%
	MA50	Trên	45%	46%	35%	33%	30%	28%	29%	28%
		Dưới	55%	54%	65%	67%	70%	72%	71%	72%
	MA20	Trên	57%	56%	46%	42%	38%	32%	31%	31%
		Dưới	43%	44%	54%	58%	62%	68%	69%	69%
VN30	MA200	Trên	30%	23%	23%	20%	20%	20%	20%	20%
		Dưới	70%	77%	77%	80%	80%	80%	80%	80%
	MA50	Trên	43%	43%	23%	30%	23%	20%	30%	33%
		Dưới	57%	57%	77%	70%	77%	80%	70%	67%
	MA20	Trên	53%	50%	37%	33%	30%	20%	23%	20%
		Dưới	47%	50%	63%	67%	70%	80%	77%	80%
HNX	MA200	Trên	27%	26%	27%	26%	27%	26%	26%	25%
		Dưới	73%	74%	73%	74%	73%	74%	74%	75%
	MA50	Trên	39%	39%	37%	36%	35%	34%	33%	32%
		Dưới	61%	61%	63%	64%	65%	66%	67%	68%
	MA20	Trên	27%	26%	27%	26%	27%	26%	26%	25%
		Dưới	73%	74%	73%	74%	73%	74%	74%	75%
UPCOM	MA200	Trên	32%	32%	31%	31%	29%	28%	28%	27%
		Dưới	68%	68%	69%	69%	71%	72%	72%	73%
	MA50	Trên	30%	30%	30%	31%	30%	28%	29%	28%
		Dưới	70%	70%	70%	69%	70%	72%	71%	72%
	MA20	Trên	30%	30%	30%	30%	30%	30%	31%	31%
		Dưới	70%	70%	70%	70%	70%	70%	69%	69%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15		Tháng 10															Tháng 9				
		22 ↓	21	20	19	16	15	14	13	12	09	08	07	06	05	02	01	30	29	28	25
1	Bán lẻ	87	86	85	83	78	76	80	86	87	87	87	88	84	83	78	77	77	75	72	75
2	Tài nguyên Cơ bản	73	73	71	68	66	61	62	57	60	54	55	54	53	53	47	46	46	49	45	46
3	Hàng & Dịch vụ Côn...	72	74	70	67	64	65	66	67	68	69	68	69	65	65	63	65	66	66	64	63
4	Hóa chất	66	64	63	58	54	55	59	58	62	60	59	56	55	56	54	59	59	61	59	61
5	Hàng cá nhân & Gia ...	65	59	56	54	52	54	54	53	55	54	54	51	47	40	34	32	32	32	32	34
6	Xây dựng và Vật liệu	59	59	53	48	48	48	43	41	43	38	37	36	33	33	31	33	37	38	34	36
7	Ngân hàng	53	50	46	46	46	43	42	40	39	36	36	38	40	40	40	43	47	48	48	53
8	Thực phẩm và đồ uố...	53	53	49	46	47	46	46	46	51	52	52	49	47	47	43	42	39	40	40	41
9	Bất động sản	50	46	32	29	28	26	24	25	25	25	24	25	25	24	23	23	25	25	27	30
10	Dầu khí	48	37	36	35	30	32	44	45	54	60	59	59	61	60	57	62	59	71	61	53
11	Du lịch và Giải trí	46	39	32	34	32	29	31	33	37	35	35	34	37	31	38	39	41	43	43	44
12	Dịch vụ tài chính	45	43	35	28	26	25	18	17	18	15	14	16	18	22	22	21	22	24	23	29
13	Điện, nước & xăng d...	42	43	38	38	47	45	48	49	50	49	50	49	47	51	52	57	58	57	51	49
14	Ô tô và phụ tùng	33	38	31	30	25	28	28	28	28	22	22	25	23	24	24	24	26	28	27	30
15	Công nghệ Thông tin	15	15	13	12	13	13	11	10	10	11	14	14	15	15	18	21	25	28	29	-

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	232,900	4.2%	6.8%	1,807,813	10.6	84.7	2,751	600.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	34,150	-0.7%	3.8%	241,995	1.3	8.5	4,042	499.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	85,500	2.4%	11.0%	153,327	3.4	50.8	1,684	85.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSN	73,900	0.3%	5.0%	107,922	2.5	11.8	6,243	407.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSB	15,400	-1.0%	5.1%	57,658	1.3	9.8	1,573	90.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	39,000	0.0%	0.5%	51,648	2.2	6.7	5,818	21.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GMD	57,500	4.5%	8.5%	37,337	2.7	14.4	3,992	196.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	151,500	-0.3%	7.4%	27,090	5.6	23.8	6,359	55.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ORS	15,600	6.5%	16.0%	9,733	1.2	24.8	629	150.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
NT2	24,350	0.0%	4.5%	7,010	1.3	4.8	5,069	36.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVN	10,000	-1.0%	4.2%	6,863	0.7	8.7	1,160	10.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGT	11,900	0.0%	3.5%	5,975	0.8	5.6	2,121	15.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CLI	30,300	-0.3%	4.8%	3,330	0.0	0.0	0	10.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAA	7,310	-0.3%	4.4%	2,878	0.5	5.3	1,390	5.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TNG	19,200	1.6%	6.1%	2,472	1.2	5.2	3,692	37.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FMC	36,350	0.7%	6.3%	2,377	0.9	4.4	8,261	5.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TLG	55,900	-0.4%	2.0%	5,396	2.1	11.7	4,776	9.0	Tích cực	8.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	141,000	0.1%	0.9%	184,344	10.2	25.2	5,605	139.7	Tích cực	7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ABB	17,700	0.0%	1.1%	28,276	1.2	5.7	3,087	5.7	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPS	17,950	-1.1%	3.8%	25,286	1.4	25.6	701	6.7	Trung tính	7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SBT	21,200	0.0%	-6.4%	19,814	1.7	23.1	917	24.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
DSE	19,550	-0.8%	-8.0%	8,372	1.5	54.1	361	7.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	56,300	-0.2%	-0.4%	470,425	1.9	11.3	4,984	186.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMP	138,100	0.1%	-1.8%	11,305	3.6	9.0	15,292	20.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	18,600	-3.1%	2.2%	9,518	0.7	3.9	4,780	156.0	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VC3	23,000	-0.9%	-0.4%	3,422	2.2	47.9	480	67.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	64,100	1.6%	2.1%	120,842	1.9	39.2	1,634	267.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	57,400	0.0%	-1.0%	108,241	2.7	10.8	5,324	582.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	74,600	-1.6%	0.1%	67,124	3.1	4.4	16,970	5.8	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	51,300	-1.3%	-9.0%	11,797	2.9	10.3	4,974	9.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PAN	18,300	-3.2%	1.4%	4,587	0.9	3.8	4,760	70.0	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SCS	40,900	1.6%	1.9%	3,923	2.3	5.6	7,266	9.7	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	9,700	-2.0%	-2.0%	1,493	0.8	12.1	803	7.3	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
BVH	69,000	0.9%	-3.4%	51,220	2.0	15.4	4,472	52.1	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
TIG	5,400	1.9%	0.0%	1,045	0.5	30.1	180	9.9	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	64,000	3.6%	8.7%	525,749	2.0	6.6	9,730	884.6	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	33,800	-0.9%	1.8%	262,904	1.4	8.0	4,250	128.9	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	35,850	2.0%	0.8%	46,386	1.8	14.2	2,523	115.3	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	10,700	-0.5%	0.0%	34,288	0.7	5.9	1,809	165.6	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PHR	32,550	-0.5%	2.4%	7,939	1.7	8.5	3,834	8.7	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PNJ	18,600	-3.13%	2.20%	42,900	130.6%	4,780	0.7	3.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
STK	7,900	0.00%	-1.13%	16,000	102.5%	(354)	0.7	-22.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	14,900	0.34%	9.16%	28,800	93.3%	1,424	1.0	10.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
F88	51,300	-1.35%	-9.04%	98,000	91.0%	4,974	2.9	10.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MWG	75,300	-0.66%	3.43%	140,000	85.9%	6,660	3.1	11.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HDG	15,450	-0.96%	4.39%	28,700	85.8%	2,298	0.9	6.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDC	11,650	4.48%	12.56%	21,400	83.7%	2,909	0.9	4.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DMX	75,900	0.66%	1.61%	130,600	72.1%	5,077	5.4	15.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	73,900	0.27%	4.97%	127,000	71.9%	6,243	2.5	11.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GEX	23,650	-0.84%	5.58%	40,500	71.2%	1,049	1.6	22.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PTB	30,900	-0.48%	5.46%	52,000	68.3%	5,852	0.9	5.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BMI	14,000	0.00%	2.19%	23,100	65.0%	1,976	0.7	7.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DPG	30,400	0.83%	9.95%	48,900	60.9%	3,530	1.2	8.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	30,550	0.16%	2.52%	48,800	59.7%	5,172	1.2	5.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NLG	23,150	1.31%	8.18%	36,800	59.0%	1,407	0.9	16.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	29,600	-3.27%	-3.43%	45,800	54.7%	3,483	1.0	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DGC	33,800	-1.31%	3.21%	52,100	54.1%	5,603	0.8	6.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	44,200	-0.90%	1.84%	66,800	51.1%	3,174	2.4	13.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	32,500	2.20%	2.85%	49,000	50.8%	3,432	1.3	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	47,800	-0.52%	2.80%	71,800	50.2%	2,199	4.2	21.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn